

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

ĐIỀU LỆ QUỸ

QUỸ ETF MAFM VN30

Tháng 11 năm 2020

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	5
III. NỘI DUNG	9
Chương I	9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán	10
Điều 5. Chi định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ	10
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ	10
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát	11
Chương II	11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	11
Điều 9. Chiến lược đầu tư	11
Điều 10. Hạn chế đầu tư	12
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư	13
Chương III	13
Điều 12. Nhà Đầu Tư	13
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	13
Điều 14. Sở đăng ký Nhà Đầu Tư	14
Điều 15. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư	14
Điều 16. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại (giao dịch sơ cấp)	15
Điều 17. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp)	20
Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi	20
Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại	21
Chương IV	21
Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư	21
Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư	21
Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư	21
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	22
Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	23

Chương V	23
Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ	23
Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	24
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	24
Điều 28. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	25
Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ	25
Điều 30. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ	26
Điều 31. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ	26
Chương VI	26
Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	26
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	26
Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ	29
Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	29
Chương VII	31
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	31
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	31
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát	33
CHƯƠNG VIII	33
Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền	33
Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	33
Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	34
Điều 42. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	34
Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	35
Chương IX	35
Điều 44. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ	35
Điều 45. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ	36
Điều 46. Tổ chức tạo lập thị trường	37
CHƯƠNG X	37
Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ	37
Điều 48. Hoạt động của Đại lý phân phối	37
Chương X	38
Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán	38
Điều 50. Năm tài chính	38

Điều 51. Chế độ kế toán	38
Chương XI	38
Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng	38
Điều 53. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	40
Điều 54. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	45
Chương XII	45
Điều 55. Lợi nhuận của Quỹ	45
Điều 56. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả	46
Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ	49
Điều 58. Các điều kiện giải thể Quỹ	49
Điều 59. Trình tự, thủ tục giải thể Quỹ	51
Chương XIV	52
Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.	52
Chương XV	52
Điều 61. Công bố thông tin	52
Điều 62. Sửa đổi, bổ sung điều lệ	53
Điều 63. Đăng ký điều lệ	53
Điều 64. Điều khoản thi hành	53
Phụ lục số 1.1	55
Phụ lục số 1.2	56
Phụ lục số 1.3	57

ĐIỀU LỆ QUỸ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006;
2. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006;
3. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;
4. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;
5. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
6. Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
7. Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
8. Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
9. Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/1/2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
10. Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ;
11. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ hoán đổi danh mục ;
12. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
13. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;
14. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
15. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài Chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
16. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
17. Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19;

18. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ" / "Quỹ ETF"	Là Quỹ ETF MAFM VN30, một quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
"Công Ty Quản Lý Quỹ"	Nghĩa là Công ty TNHH quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 08 năm 2018, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ được uỷ thác quản lý Quỹ ETF MAFM VN30, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 Điều Lệ này.
"Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh"	(sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội"	(sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán"	(sau đây gọi tắt là VSD) là pháp nhân thuộc sở hữu nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Ngân Hàng Giám Sát"	Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Shinhan Việt Nam) Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài , thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 341/GP-NHNN do Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 29 tháng 12 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 15/GCN-UBCKdo UBCKNN cấp ngày 23 tháng 05 năm 2017, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này.
"Công Ty Kiểm Toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận. Công Ty Kiểm Toán do Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định, hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn.
"Thành Viên Lập Quỹ"	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
"Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường"	Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường cho Quỹ.

“Đại Lý Phân Phối”	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
“Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan”	Là Ngân Hàng Giám Sát, VSD cung cấp một hoặc một số các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
“Điều Lệ Quỹ”	Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều Lệ Quỹ lần đầu do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo mẫu quy định tại Thông tư số 229/2012/TT-BTC. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ được coi là đã thông qua Điều Lệ Quỹ lần đầu này.
“Bản Cáo Bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
“Hợp Đồng Giám Sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
“Nhà Đầu Tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại Diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Vốn Điều Lệ”	Là giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ này.
“Chứng Chỉ Quỹ”	Là một loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
“Lô Chứng Chỉ Quỹ”	Một Lô Chứng Chỉ Quỹ bao gồm một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ. Lô Chứng Chỉ Quỹ là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong một Lô Chứng Chỉ Quỹ tùy nhiên vẫn phải bảo đảm một lô có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ.
“Chỉ Số Tham Chiếu VN30 (VN30)”	Là chỉ số VN30, theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
“Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của chỉ số VN30.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN30 (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu). b) Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30.
“Giá phát hành lần đầu”	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các Lô Chứng Chỉ Quỹ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư để thu lại Danh

	<p>Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một Lô Chứng Chỉ Quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.</p>
“Giá giao dịch hoán đổi”	<p>Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ Thành viên lập quỹ, Nhà Đầu Tư và ngược lại.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy một Lô Chứng Chỉ Quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.</p>
“Giá trị giao dịch”	<p>Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một Lô Chứng Chỉ Quỹ nhân với số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ được phân phối. Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi, bằng giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ giao dịch hoán đổi.</p>
“Giá dịch vụ phát hành”	<p>Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.</p>
“Giá dịch vụ mua lại”	<p>Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ mua lại này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.</p>
“Lợi Tức Quỹ”	<p>Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.</p>
“Năm Tài Chính”	<p>Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</p> <p>Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.</p>
“Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ”	<p>Là tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.</p>

"Giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ"	Bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng hàng ngày trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ.
"Giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ"	Bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng hàng ngày trên một Chứng Chỉ Quỹ.
"Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ"	(Sau đây gọi tắt là iNAV) là giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ được xác định trên cơ sở giá thị trường của Chứng Khoán Cơ Cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
"Ngày Định Giá"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
"Hoán đổi danh mục"	Là việc đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ, và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là ngày định giá mà Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phát hành và mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết.
"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ và trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;
"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> - Lập và quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư,

thành viên lập quỹ; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;

- Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư;

- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;

- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

“Người có liên quan”

Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006.

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan

III. NỘI DUNG

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt: Quỹ ETF MAFM VN30

Tên tiếng Anh: MAFM VN30 ETF

Tên viết tắt: MAFM VN30

Địa chỉ liên hệ: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3564 0666

Fax: +84 24 3564 0555

Website: <http://fundmanagement-miraeasset.com.vn>

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính kể từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký thành lập Quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quỹ không bị giới hạn thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ ETF MAFM VN30 là một loại hình quỹ mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ có nghĩa vụ thực hiện việc đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Tài sản của Quỹ được lưu ký và giám sát bởi Ngân Hàng Giám Sát.

4. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư.

5. Ban Đại Diện Quỹ sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

6. Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset Việt Nam do Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tạo thành. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng), tương ứng với 50 Lô Chứng Chỉ Quỹ.

2. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà Đầu Tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ, mỗi Thành Viên Lập Quỹ đăng ký mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lập Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ.

3. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thực hiện bằng Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 của Điều này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và số lượng các Lô Chứng Chỉ Quỹ phân phối cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được xác định trên cơ sở chỉ số tham chiếu của ngày cuối cùng của giai đoạn đăng ký góp vốn.

4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ bổ sung bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:

- a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá phát hành của Lô Chứng Chỉ Quỹ;
- b) Những mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan; và
- c) Trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (DMCKCC) góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua).

Phương thức thanh toán bằng tiền nêu trên của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

5. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

6. Toàn bộ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được phong tỏa tại VSD. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

7. Mệnh giá của mỗi Chứng Chỉ Quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

8. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Quỹ chỉ định Công Ty Quản Lý Quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng Chỉ Quỹ. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 56/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 08 năm 2018

Trụ sở chính: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3564 0666

Fax: +84 24 3564 0555

Website: <http://fundmanagement-miraeasset.com.vn>

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 341/GP-NHNN do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 12 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 15/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 23 tháng 05 năm 2017, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này.

Trụ sở: Tầng trệt, Tầng lửng, Tầng 2, 3, 11, 15, Tòa nhà Empress Tower, 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28)-3528-7900

Fax: (84-28)-3620-4400

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số tham chiếu do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư:

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số VN30 và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Cổ phiếu niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;
- b) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ tại các ngân hàng thương mại đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt;
- c) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- d) Quyền phát sinh gắn liền với các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 Điều lệ này và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đa dạng và đảm bảo:
 - a) Không đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
 - d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - e) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
 - f) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
4. Cơ cấu đầu tư của quỹ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;
 - c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
 - d) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo quy định tại Điều 16 của Điều Lệ này;
 - e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.
5. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 4 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và Điều Lệ này.
6. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể

từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quý (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quý.

7. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

- Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
- Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.

Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục. Thông báo phải có ý kiến xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số VN30 Quỹ sẽ đầu tư vào toàn bộ hoặc gần như toàn bộ vào các chứng khoán cơ cấu của chỉ số VN30 và luôn đảm bảo Danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu và giá trị danh mục cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu. Khi chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng mà các mã tương ứng với sự thay đổi của chỉ số tham chiếu.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỞ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu ít nhất là một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà Đầu Tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức ký.

3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ. Việc tham gia góp vốn lập quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

4. Nhà Đầu Tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn lập quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có quyền:

- a) Được chia lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư dựa trên cơ sở quy định tại Điều 55 của Điều lệ này.
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư sở hữu (nếu còn).
- c) Được quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này.
- d) Được chuyển nhượng hoặc bán Chứng Chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- e) Được ứng cử và bầu vào Ban Đại Diện Quỹ khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 26 của Điều Lệ.
- f) Quyết định cùng với Đại Hội Nhà Đầu Tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều Lệ;

- g) Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
 - h) Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ.
2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:
- a) Tuân thủ Điều Lệ này, chấp hành các nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - b) Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ.
 - c) Thanh toán đầy đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ, tiền mua Chứng Chỉ Quỹ như đã cam kết theo thời gian quy định.
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm lập Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và xác nhận quyền sở hữu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đối với số Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký mua. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên Quỹ;
- b) Số Giấy chứng nhận chào bán Chứng Chỉ Quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của Quỹ;
- c) Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
- d) Danh sách Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư kèm theo các thông tin:
 - (i) Đối với cá nhân: Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - (ii) Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ;
- e) Số tài khoản lưu ký chứng khoán; số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ đăng ký sở hữu; kèm theo xác nhận của VSD về chi tiết Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của từng Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài);
- f) Ngày đăng ký sở hữu Chứng Chỉ Quỹ (vào Sổ chính);
- g) Ngày lập Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải thực hiện đăng ký, lưu ký các Lô Chứng Chỉ Quỹ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tại VSD. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các Lô Chứng Chỉ Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của VSD.

3. Số lượng các Lô Chứng Chỉ Quỹ được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSD tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSD theo hướng dẫn của VSD.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại sổ chính.

5. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư được lưu trữ tại trụ sở tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 15. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục cơ cấu theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ, ngoại trừ trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ bổ

sung bằng tiền và/hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Đại lý phân phối thực hiện mua Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư.

2. Nhà Đầu Tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) Lô Chứng Chỉ Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.

3. Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

4. Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ áp dụng cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

a. Áp dụng cho Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định rõ tại Điều 15 của Điều Lệ này và được nêu tại Bản cáo bạch, và cho các Thành Viên Lập Quỹ được nêu tại Bản Cáo Bạch ;

b. Giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi. Nhà Đầu Tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối. Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm mua đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Cách thức thực hiện dựa trên quy định của Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối và VSD;

c. Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh:

(i) Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ là hàng ngày. Thời gian giao dịch cụ thể trong phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện theo các quy định tại Bản Cáo Bạch.

(ii) Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

(iii) Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

(iv) Ngày giao dịch hoán đổi có thể bị tạm ngừng theo quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 của Điều này.

(v) Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh : 14h40' của Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T).

d. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thực hiện giao dịch hoán đổi bổ sung bằng tiền trong những trường hợp sau đây:

(i) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá trị Lô Chứng Chỉ Quỹ;

(ii) Những mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện thông báo các mã chứng khoán hoán đổi bổ sung bằng tiền cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và Công Ty Quản Lý Quỹ. Phương thức đăng ký, thực hiện sẽ được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch; và

(iii) Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi cần mua hộ của Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi đến khi hoàn tất mua hộ.

Phương thức, thủ tục điều kiện thanh toán bổ sung bằng tiền nêu trên được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

e. Đơn vị giao dịch tối thiểu là một Lô Chứng Chỉ Quỹ, tương ứng với một trăm ngàn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong một Lô Chứng

Chỉ Quỹ sau khi đã công bố công khai tại Bản cáo bạch, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô Chứng Chỉ Quỹ có không ít hơn 100.000 Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô Chứng Chỉ Quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô Chứng Chỉ Quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, VSD, Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và các Đại lý phân phối (nếu có);

- f. Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau đây :
- (i) Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - (ii) Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
 - (iii) Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - Đối với Thành Viên Lập Quỹ:
 - Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi.
 - Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
 - Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ Thành Viên Lập Quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.
 - Đối với Nhà Đầu Tư:
 - Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- g. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư sẽ được chuyển đến Thành Viên Lập Quỹ (kể cả trường hợp Nhà Đầu Tư đặt lệnh giao dịch hoán đổi thông qua các Đại lý phân phối của Quỹ) và phải được tổ chức trực tiếp nhận lệnh giao dịch hoán đổi (Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại lý phân phối) lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành Viên Lập Quỹ sẽ được Thành Viên Lập Quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Đại lý phân phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Thành Viên Lập Quỹ, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:
- (i) Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;
 - (ii) Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Thành Viên Lập Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.
- h. Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:
- (i) Được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân Hàng Giám Sát trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch;
 - (ii) Được Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi VSD bảo đảm Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có đầy đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoặc số Lô Chứng Chỉ Quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán, ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này. Trường hợp bán Chứng Chỉ Quỹ, số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Thành Viên Lập Quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành Viên Lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- i. Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và Quỹ tại VSD. Việc chuyển khoản Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và phù hợp với hướng dẫn của VSD.
- j. Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, VSD về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành Lô Chứng Chỉ Quỹ (nếu có). Thông tin bao gồm các mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ.
 - b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối theo quy định tại Điều Lệ này và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại lý phân phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ. Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới VSD trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSD.
 - c) Trong vòng một (01) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSD sẽ hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoặc ngược lại. Việc tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này và được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSD xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
 - d) Trong vòng tối đa một (01) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho VSD và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSD. Quá thời hạn nêu trên, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.
 - e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, VSD có trách nhiệm kiểm tra khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSD.
3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:
- a) Khi hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
 - b) Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thanh toán bằng tiền được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
 - c) Trường hợp trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có những mã Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, khi đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
4. Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm 16 giờ ngày làm việc

thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1)), hoặc dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó, thì VSD sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện:

- a. Trường hợp là pháp nhân, cá nhân nước ngoài, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ phải bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bằng hình thức chuyển khoản.
- b. Trường hợp hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó và thanh toán bằng tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, các Nhà Đầu Tư này.

Ngay khi phát sinh các trường hợp quy định tại mục a và b nêu trên, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ chưa bán được cho Nhà Đầu Tư.

Việc thanh toán tiền cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư quy định tại mục a, b nêu tại khoản này, phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định luật hiện hành. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan và sẽ được quỹ thực hiện sau hai ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền do việc bán thành công những chứng khoán này.

Trong quá trình Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện bán các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá tỷ lệ nêu ở mục này nếu số chứng khoán này được hưởng cổ tức hoặc quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền thì Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- Đối với quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sử dụng tiền từ việc bán số chứng khoán đó để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản quỹ thì quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ tức hoặc quyền này.

Trên cơ sở thông báo của VSD, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian (FIFO) (đối với các kỳ giao dịch hoán đổi khác nhau) và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch (đối với cùng 1 kỳ giao dịch), tiếp theo là tỷ lệ trên cơ sở khả năng thanh toán hiện có của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh. Ngay khi phát sinh, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Ngân Hàng Giám Sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo kết quả tính toán và phân bổ của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

- c. Trường hợp là các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán.
5. Công ty quản lý có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư do một trong các trường hợp sau:
- Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;
 - Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể, bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - Quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
 - Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, VSD không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.
6. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại lý phân phối phải nói lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho Nhà Đầu Tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
7. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 16 của Điều Lệ này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi tối đa ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó, theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.
8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 7 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.
9. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại:
- Giá dịch vụ phát hành: là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
 - Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành Viên Lập Quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Nhà Đầu Tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.
 - Giá dịch vụ mua lại: là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
 - Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành Viên Lập Quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(ii) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(iii) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.

Giá dịch vụ này sẽ được căn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị Lô Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Chứng Khoán Cơ Cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn giá dịch vụ mua lại thì Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân Hàng Giám Sát không trễ hơn 11 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

- c) Việc điều chỉnh mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.
- d) Việc tăng mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 17. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

1. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:
 - a. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, VSD;
 - b. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết;
 - c. Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ (bán Chứng Khoán Cơ Cấu) trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) này bao gồm số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (số Chứng Chỉ Quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSD đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các Lô Chứng Chỉ Quỹ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư để thu lại Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một Lô Chứng Chỉ Quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.

2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và ngược lại.

a. Giá giao dịch hoán đổi mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu đồng thời phát hành một Lô Chứng Chỉ Quỹ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ sử dụng tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

b. Giá giao dịch hoán đổi mà Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại một Lô Chứng Chỉ Quỹ đồng thời hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ sử dụng tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng Chỉ Quỹ được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do VSD ban hành.

2. Việc cho, biếu, tặng, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc cho, biếu, tặng, thừa kế hoặc người cho, biếu, tặng, thừa kế.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc cho, biếu, tặng, thừa kế.

Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (thông qua hình thức gửi thư bằng văn bản, gửi qua fax hoặc qua thư điện tử) hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác. Đại Hội Nhà Đầu Tư uỷ quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).

3. Chi phí của Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm và Đại Hội Nhà Đầu Tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

4. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường:

a) Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

(i) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;

(ii) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư;

b) Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát; phương án phân phối lợi nhuận;
2. Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
3. Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
4. Tách Quỹ;
5. Giải thể Quỹ;
6. Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ;
7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
8. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
9. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
10. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Nhà Đầu Tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành. Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác như lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Nhà Đầu Tư tham dự.

4. Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

a) Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác trên cơ sở nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ.

b) Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra sẽ chủ trì.

c) Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp theo quy định tại khoản 6 của Điều này. Trong trường hợp họp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện các công việc sau:

a) Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu có liên quan được gửi đến địa chỉ đã đăng ký của Nhà Đầu Tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đã đăng ký của Nhà Đầu Tư;

b) Phát hành phiếu lấy ý kiến với các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên Quỹ; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Nhà Đầu Tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức; số Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(vii) Họ tên, chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ.

c) Gửi phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu có liên quan đến tất cả các Nhà Đầu Tư có quyền dự họp Đại Hội Nhà Đầu Tư tối thiểu mười lăm (15) ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;

d) Lập ban kiểm phiếu để tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp phải lấy ý kiến về những vấn đề quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ buộc phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Mỗi Chứng Chỉ Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác.

3. Trường hợp được quy định tại Khoản 4 Điều này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 21 Điều lệ này, Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ của các Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Những quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Nhà Đầu Tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy. Đồng thời, trong trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

7. Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân Hàng Giám Sát và cung cấp cho Nhà Đầu Tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại Khoản 2, 3 Điều 21 có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Chứng Chỉ Quỹ, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá Trị Tài Sản Ròng xác định tại ngày họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại.

Chương V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ có ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.

2. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

- a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

3. Ban Đại Diện Quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể được bầu lại tại Đại Hội Nhà Đầu Tư tiếp theo.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện, thành viên Ban Đại Diện nếu không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

5. Trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hoặc thành viên bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin khi thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là người có trình độ quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn, đồng thời am hiểu công việc kinh doanh của Quỹ.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ này đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư;

2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ;

4. Giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật;

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;

6. Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;

7. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

8. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng thương mại nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này. Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ;

9. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu Tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận; hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

10. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 21 Điều Lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền.

11. Có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;

12. Tham dự các phiên họp Ban Đại Diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;

13. Thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;

14. Kiến nghị việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;

15. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quý phải tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ quý và quyết định của đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quý thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho quý thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;

16. Ban Đại Diện Quý không được trực tiếp hay gián tiếp:

- a) Dùng tài sản Quý cho bất kỳ Nhà Đầu Tư nào của Quý đầu tư vay tiền;
- b) Dùng tài sản Quý để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho Nhà Đầu Tư vay tiền;
- c) Dùng tài sản Quý để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
- d) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quý đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.

17. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

18. Ban Đại Diện Quý có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định.

19. Ban Đại Diện Quý có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quý đại chúng.

Điều 28. Chủ tịch Ban Đại Diện Quý

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quý trong số thành viên Ban đại diện bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch Ban Đại Diện Quý phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quý có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quý;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quý;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quý;
- d) Ban hành thông báo việc đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên như quy định tại khoản 1 Điều 28 của Điều Lệ.

Điều Lệ.

3. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quý được Chủ tịch Ban Đại Diện Quý ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại Diện Quý.

4. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quý còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quý theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quý sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý

1. Thành viên Ban Đại Diện Quý bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

- a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
- b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quý do quy định của luật pháp hoặc của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và các cơ quan có thẩm quyền;
- d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.

2. Thành viên Ban Đại Diện Quý sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:

- a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;
- b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quý;
- c) Bị cách chức thành viên Ban Đại Diện Quý khi có Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong chín (09) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả

kháng

- e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quý.
 - f) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này.
3. Thành viên Ban Đại Diện Quý sẽ được bổ sung trong các trường hợp sau:

- a) Khi việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quý nêu tại Khoản 2, 3 Điều này dẫn đến thành viên Ban Đại Diện Quý không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này;
- b) Khi Quý có nhu cầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý, việc bổ sung này không vượt quá số lượng tối đa quy định Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này;
- c) Thành viên Ban Đại Diện Quý được bổ sung phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này.
- d) Thành viên Ban Đại Diện Quý được bầu bổ sung bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 30. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý

1. Ban Đại Diện Quý phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban Đại Diện Quý, Công Ty Quản Lý Quý hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban Đại Diện Quý.

2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban Đại Diện Quý tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban Đại Diện Quý không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quý được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban Đại Diện Quý.

5. Công Ty Quản Lý Quý và Ngân Hàng Giám Sát được quyền tham dự cuộc họp Ban Đại Diện Quý nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại Diện Quý quyết định các vấn đề quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21 của Điều Lệ này, Ban Đại Diện, thông qua Công Ty Quản Lý Quý, phải gửi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quý, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban Đại Diện Quý sẽ do Quý thanh toán.

Điều 31. Biên bản họp Ban Đại Diện Quý

Cuộc họp Ban Đại Diện Quý phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Thư ký và các thành viên Ban Đại Diện Quý tham gia vào phiên họp phải ký tên vào biên bản họp Ban Đại Diện Quý. Biên bản họp Ban Đại Diện Quý phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quý theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và Điều Lệ này.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quý

Công Ty Quản Lý Quý được lựa chọn pháp đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- 1. Đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép hoạt động quản lý quỹ.
- 2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
- 3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ.
- 4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quý như được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quý

- 1. Công Ty Quản Lý Quý có các quyền sau đây:
 - a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 36 Điều Lệ này;
 - b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công Ty Quản Lý Quý phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong

hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;

- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;
- f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;
- i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản ủy thác theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.
- b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
- c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - (i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;
 - (ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với ngân hàng nhận tiền gửi;
 - (iii) Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - (iv) Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công Ty, tài sản của khách hàng ủy thác do Công Ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - (v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công Ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.
 - (vi) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;
 - (vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ đã được công khai tại Bản Cáo Bạch.
- d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản

thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.

- e) Trong hoạt động quản trị quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
 - (i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ và trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ;
 - (ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
- f) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- g) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.
- h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ này.
- j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc do Công Ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- l) Công Ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điểm I Khoản này.
- m) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- n) Trường hợp quỹ là Nhà Đầu Tư nước ngoài, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

- (i) Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quý; và
- (ii) Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quý.
- q) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quý, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quý và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- r) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
 - (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
- s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.
- t) Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1 của Điều Lệ này.

Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quý trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị Ban Đại Diện Quý sau khi đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
- b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- c) Tự nguyện chấm dứt hoạt động và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
- d) Hợp nhất, sáp nhập với một Công Ty Quản Lý Quỹ khác;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quý của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quý cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quý theo quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quý.

4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quý có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quý sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều Lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quý	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
2.0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quý bắt đầu hoạt động
1.0%	Sau 03 năm kể từ ngày Quý bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận thì Quý sẽ không phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khoản phí nêu trên.

Điều 35. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quý, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác, Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền mua hoặc bán Chứng Chỉ Quỹ bằng với Giá Phát Hành hoặc Giá Mua Lại.

3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước khi có yêu cầu.

4. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.

5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quý, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

- a) Không được sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
- b) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
- c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;
- e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

6. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
- b) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.
2. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động của Quỹ và bảo quản tài sản Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.
3. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát trực tiếp làm nhiệm vụ giám sát và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.
5. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát:
 - a) Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;
 - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ;
 - e) Quản lý tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
 - i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;
 - k) Chuyển khoản tiền/ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ này;
 - l) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền lập;
 - m) Ngân Hàng Giám Sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và hợp đồng giám sát;
 - n) Ngân Hàng Giám Sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ này và hợp đồng giám sát;

- o) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào có liên quan đến nghiệp vụ giám sát, lưu ký của Ngân hàng đối với Quỹ (ngoài các khoản giá dịch vụ, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát:
- a) Hưởng các loại giá dịch vụ như được quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Hợp Đồng Giám Sát và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ;
- c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát được ký giữa các bên.
3. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát
- a) Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
- (iii) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định giá tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- (iv) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
- (v) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
- (vi) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
- (vii) Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản Lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó;
- (viii) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.
- b) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- c) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ.
- d) Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.
- e) Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi Công Ty Kiểm Toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng

Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

- f) Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ sẽ kết thúc trong những trường hợp sau:

- Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng Khoán;
- Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;
- Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ sẽ chuyển giao sang Ngân Hàng Giám Sát khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ dưới đây:

1. Dịch vụ quản trị quỹ:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phần ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;
- Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức được lựa chọn phải là tổ chức được pháp luật cho phép cung cấp dịch vụ đó. Đồng thời, các tổ chức này phải đáp ứng đủ các điều kiện về tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu. Nhân sự cung cấp dịch

vụ phải có kinh nghiệm, được tập huấn cập nhật thường xuyên để đạt đến các tiêu chuẩn quốc tế chuyên nghiệp tốt nhất.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng theo các quy định của pháp luật.

3. Tổ chức được lựa chọn làm đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp được với đại lý phân phối và Nhà Đầu Tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với đại lý phân phối và Công Ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư sở hữu Đơn Vị Quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và đại lý phân phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với pháp luật.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền, và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với pháp luật và hợp đồng đã ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

(i) Ghi nhận kế toán giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;

(ii) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;

(iii) Xác định NAV của Quỹ; NAV trên một Đơn Vị Quỹ phù hợp với pháp luật và Điều Lệ này;

(iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

(i) Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư sở hữu Đơn Vị Quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;

(ii) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có

(iii) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;

(iv) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;

(v) Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

(vi) Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

(vii) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn mà pháp luật yêu cầu. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 42. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;

8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

10. Tối thiểu một năm một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công Ty Quản Lý Quỹ);
- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
- b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
- c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
- d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
- e) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- f) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- g) Quỹ bị giải thể;
- h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Tổ chức nhận ủy quyền bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức, có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương IX

THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 44. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ

1. Là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc Ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
3. Đã ký hợp đồng lập quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
4. Luôn đảm bảo được số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành Viên Lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ đã ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập quỹ.

Điều 45. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

1. Quyền của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà Đầu Tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều 16 của Điều Lệ và quy định tại Bản Cáo Bạch. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán;
 - b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, theo cơ chế hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của mình lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại;
 - c) Được vay Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ; hoặc vay các Lô Chứng Chỉ Quỹ để hoán đổi lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Hoạt động vay chứng khoán, Chứng Chỉ Quỹ này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của VSD;
 - d) Được thực hiện các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Chứng Khoán Cơ Cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch, cụ thể như sau: Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ ETF (bán Chứng Khoán Cơ Cấu) trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ ETF (Chứng Khoán Cơ Cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số Chứng Chỉ Quỹ ETF (Chứng Khoán Cơ Cấu) này bao gồm số Chứng Chỉ Quỹ ETF (số Chứng Khoán Cơ Cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số Chứng Chỉ Quỹ ETF (số Chứng Khoán Cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (số chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã thực hiện thành công trước đó.
2. Trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, VSD, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán;
 - b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà Đầu Tư. Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán, Thành Viên Lập Quỹ phải thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư;
 - c) Bảo đảm Nhà Đầu Tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;
 - d) Quản lý tách biệt tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản của từng Nhà Đầu Tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
 - e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư

Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;
- g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại Lý Phân Phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.
- h) Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ bán Chứng Chỉ Quỹ, số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Thành Viên Lập Quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành Viên Lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ đã ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- i) Các hoạt động khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và Hợp đồng lập quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 46. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm gửi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.

2. Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng Chỉ Quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán Chứng Chỉ Quỹ ETF theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành và Quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở Giao Dịch Chứng Khoán xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG X ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.

2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ mở.

3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Điều 48. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố.

2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.

4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.

6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Chương X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 10 Điều 27 của Điều lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
3. Được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
4. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 50. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm tiếp theo.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo tài chính

a) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

b) Báo cáo tài chính bán niên/Các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

Chương XI

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:

a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá;

- b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

2. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo nguyên tắc sau:

- a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 53 của Điều lệ này và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá;
- b) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành và lấy đến hai (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- c) Sau khi xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;
- d) Ngay sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định, hoặc ủy quyền cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán xác định và công bố thông tin về giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của Chứng Khoán Cơ Cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức:

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được tính theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - R)^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}} \right] - \ln \left(\frac{Index_i}{Index_{i-1}} \right)$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

6. Trường hợp mức sai lệch của quỹ ETF vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời công bố thông tin trong vòng 24 giờ, ngay sau khi phát sinh sự việc thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

- Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
- Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.

Trong vòng ba (03) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên 1 lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

Điều 53. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:
 - a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
 - b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
2. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.
3. **Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**
 - a) Ngày định giá: Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.
 - b) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ;

- c) Sau khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;
- d) Ngay sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán, đại lý phân phối và thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.
- e) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng do Ngân Hàng Giám Sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều Lệ Quỹ và của pháp luật, Giá Trị Tài Sản Ròng được tính đúng.
- f) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của Chứng Khoán Cơ Cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

a) Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

- (i) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
- (ii) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;
- (iii) Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời;
- (iv) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của Quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- (v) Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước ngày định giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;
- (vi) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- (vii) Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;
- (viii) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- (ix) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân Hàng Giám Sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

b) Ngân Hàng Giám Sát

- (i) Ngân Hàng Giám Sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công Ty Quản Lý Quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.

Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công Ty Quản Lý Quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này;

- (ii) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công Ty Quản Lý Quỹ có hiệu lực;
- (iii) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân Hàng Giám Sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công Ty Quản Lý Quỹ không đáp ứng yêu cầu;
- (iv) Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

c) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.

Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ (NAV) = Tổng tài sản của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

- Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn đến hàng đơn vị.
- Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành và lấy đến hai (02) số thập phân.
- Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác
 - Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác.
 - Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.
- Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại "Sổ tay định giá" và cũng được ghi dưới đây:

A- Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi không kỳ hạn	Toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi lũy kế theo hợp đồng tiền gửi tính tới cuối ngày trước Ngày định giá

4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới cuối ngày trước ngày định giá.
Cổ phiếu		
5.	Đối với cổ phiếu niêm yết	<p>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước ngày định giá;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quý chấp thuận.
6.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>Giá thị trường đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao Dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quý chấp thuận.
7.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mệnh giá; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quý chấp thuận.
8.	Cổ phiếu chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết	Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch để thực hiện chuyển sàn.
Chứng khoán phái sinh		

9.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá: -Giá thanh toán cuối ngày theo quy định nếu có; -Giá đóng cửa.
10.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 02 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quý chấp thuận.
Quyền mua		
11.	Quyền mua chứng khoán	Giá quyền mua được tính bằng cách lấy giá chứng khoán tại ngày gần nhất trước ngày định giá trừ đi giá phát hành quyền mua và nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua. <i>(Giá quyền mua = (Giá chứng khoán – Giá phát hành quyền mua) x Tỷ lệ thực hiện quyền mua)</i> Trong trường hợp kết quả của cách tính này nhỏ hơn 0 thì giá quyền mua bằng 0.
Các tài sản khác		
12.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quý chấp thuận.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2) Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:

Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại.

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

Phương pháp xác định NAV:

$NAV = \text{Tổng Tài Sản Của Quỹ} - \text{Tổng Nợ Phải Trả Của Quỹ}$.

$NAV/1CCQ = \text{Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho Tổng Số Đơn Vị Quỹ Đang Lưu Hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá, lấy đến hai (02) số thập phân}$.

Các ghi chú:

- a) Lãi lũy kế (accrued interest): là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- b) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- c) Ngày được hiểu là ngày theo lịch
- d) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.

Điều 54. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, và đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá; và
 - b) Không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
2. Việc thay đổi tổ chức cung cấp báo giá sẽ được thực hiện khi có một trong số các tiêu chí sau:
- a) Tổ chức cung cấp báo giá không còn khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
 - b) Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Chương XII

LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Điều 55. Lợi nhuận của Quỹ

1. Lợi nhuận của Quỹ bao gồm các khoản sau đây:

- a) Cổ tức;
- b) Lãi trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ;
- c) Lãi tiền gửi;
- d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
- e) Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

2. Lợi nhuận của Quỹ có thể được phân phối cho Nhà Đầu Tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và trình Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà Đầu Tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư.

3. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- a) Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại phần này;
- b) Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);
- c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

- d) Mức chi trả lợi tức do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ;
 - e) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
4. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa các điều kiện sau:
- a) Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
 - b) Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.
 - c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).
 - d) Đáp ứng nguyên tắc chi trả lợi tức của Quỹ nêu tại khoản 2 Điều này.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà Đầu Tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.
7. Lợi tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Chỉ những Nhà Đầu Tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu Tư tại ngày chốt quyền mới được nhận lợi tức quỹ.

Điều 56. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/ tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF MAFM VN30

a) Giá dịch vụ quản lý quỹ

- (i) Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,6% NAV/năm, chưa bao gồm VAT (nếu có). Giá dịch vụ này được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF MAFM VN30.
- (ii) Giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (iii) Công thức tính giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- (iv) Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý quỹ là tổng giá dịch vụ quản lý quỹ tại các kỳ định giá trong tháng.

b) Giá dịch vụ quản trị quỹ

- (i) Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ ETF MAFM VN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- (ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ : 0,03% NAV/năm, chưa bao gồm VAT 10%
- (iii) Giá dịch vụ quản trị quỹ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ quản trị quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (iv) Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau
- (v) Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ theo năm x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- (vi) Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ tổng giá dịch vụ tại các kỳ định giá trong tháng.

c) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Tiền cố định hàng tháng	5.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (mua, bán)	Miễn phí
3	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu Thành Viên Lập Quỹ - Thiết lập dữ liệu Nhà Đầu Tư	Miễn phí
4	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
5	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch	Miễn phí

Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng = Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá.

d) Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (Tracking error – TE)

- (i) Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và TE là 0,05% NAV/năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm, chưa bao gồm VAT (nếu có). Giá dịch vụ này do Quỹ ETF MAFM VN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và TE.
- (ii) Công thức tính giá dịch vụ cung cấp dịch vụ nêu trên vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ nêu trên cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu theo năm x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- (iii) Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu là tổng giá dịch vụ tại các kỳ định giá trong tháng.
- (iv) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, và giá dịch vụ/ tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF MAFM VN30 như được nêu mục a, b, c, d tối đa không quá 2% NAV/ năm.

2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

- a) Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ này được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá

dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

STT	Loại giá dịch vụ	Biểu giá dịch vụ
1	Giá dịch vụ giám sát	0,02% NAV/năm, chưa bao gồm VAT 10%
2	Giá dịch vụ lưu ký	0,05% NAV/ năm
3	Giá giao dịch chứng khoán	100.000 đồng/giao dịch
4	Giá dịch vụ xác nhận số dư chứng khoán cho mục đích Kiểm toán	500.000 đồng/báo cáo xác nhận, chưa bao gồm VAT 10%
3	Chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký	Miễn phí

- b) Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- c) Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký theo năm x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- d) Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký là tổng giá dịch vụ lưu ký, giám sát tại các kỳ định giá trong tháng.

3. Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- a) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm. Giá dịch vụ này do Quỹ ETF MAFM VN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.
- b) Công thức tính giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- c) Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu theo năm x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- d) Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là tổng số giá dịch vụ tại các kỳ định giá trong tháng.
- e) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

4. Các loại chi phí khác

- a) Các chi phí khác của Quỹ gồm: Phí/giá dịch vụ giao dịch, bao gồm chi phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).
- b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác.
- c) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.
- d) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ
- e) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- f) Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư;
- g) Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ;
- h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định;

- i) Chi về bảo hiểm (nếu có);
- j) Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
- k) Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- l) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- m) Các loại giá dịch vụ, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 57. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của quỹ ETF bao gồm các khoản giá dịch vụ, phí, chi phí sau thuế dưới đây:
 - a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - b) Giá dịch vụ trả cho Thành Viên Lập Quỹ;
 - c) Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ, giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Giám Sát;
 - d) Giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và giá vụ đại lý chuyển nhượng và các giá dịch vụ, phí khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho VSD, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
 - e) Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;
 - f) Phí/ giá dịch vụ giao dịch, bao gồm phí/ giá dịch vụ môi giới, phí/ giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);
 - g) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ;
 - h) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ, và các loại giá dịch vụ, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - i) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong kỳ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3. Trong đó, giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của quỹ là tổng giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các ngày định giá trong kỳ đó chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ, không bao gồm các ấn phẩm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

**Chương XIII
GIẢI THỂ QUỸ**

Điều 58. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thế Quý chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công Ty Quản Lý Quý bị giải thế, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quý bị thu hồi mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quý thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thế, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - b) Công Ty Quản Lý Quý đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quý thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quý;
 - c) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thế, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thế, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - d) Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý mà không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân Hàng Giám Sát;
 - e) Giá trị tài sản ròng của quý xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
 - f) Quý hủy niêm yết;
 - g) Giải thế quý theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quý buộc phải giải thế theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quý hoặc Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quý (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quý) triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư để thông qua phương án giải thế quý.
3. Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quý cho Nhà Đầu Tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban Đại Diện Quý đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quý.
4. Công Ty Quản Lý Quý và Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quý và phân chia tài sản quý cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Trường hợp quý giải thế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản quý.
5. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thế quý, Công Ty Quản Lý Quý, Ngân Hàng Giám Sát không được:
 - a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quý;
 - b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của quý;
 - c) Tặng, cho tài sản của quý cho tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quý lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của quý mà không thực hiện bù trừ;
 - e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quý.
6. Tài sản của quý đang giải thế bao gồm :
 - a) Tài sản và quyền về tài sản mà quý có tại thời điểm quý buộc phải giải thế;
 - b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quý sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm quý buộc phải giải thế;
 - c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quý. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quý.
7. Công Ty Quản Lý Quý, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm chuyển giao Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư tại quý theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều này.
8. Trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng chứng chỉ quý quá nhỏ theo quy định tại Điều lệ này, Công Ty Quản Lý Quý được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quý và phù hợp với phương án giải thế đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
9. Tài sản từ việc thanh lý quý được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;
- b) Các khoản phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, quỹ không phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ, phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà Đầu Tư trong quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu VSD, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà Đầu Tư.

10. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc Ban Đại Diện Quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

Điều 59. Trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) phải thông báo việc giải thể quỹ cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

2. Tài liệu thông báo việc giải thể quỹ bao gồm:

- a) Thông báo về việc giải thể quỹ bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật;
- b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng tại ngày giải thể và trong thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho Nhà Đầu Tư và cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;
- c) Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) và Ngân Hàng Giám Sát về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.

3. Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, nếu Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước không có ý kiến về việc giải thể quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành thực hiện trình tự, thủ tục hủy niêm yết tự nguyện, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán, VSD.

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ, biểu phí đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp cho Nhà Đầu Tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho Nhà Đầu Tư theo mẫu quy định pháp luật hiện hành. Thông báo gửi cho Nhà Đầu Tư phải được cung cấp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành .

5. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu không có Công Ty Quản Lý Quỹ) có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ theo quy định pháp luật hiện hành, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- a) Báo cáo có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và tổ chức kiểm toán hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) về việc thanh lý các tài sản của quỹ, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, kể cả các khoản nợ về thuế;
- b) Báo cáo kết quả giải thể, thành lý tài sản của quỹ có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và tổ chức kiểm toán hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) về tiến trình thanh lý tài sản,

phương thức thanh lý và phân chia tài sản; tổng giá trị tài sản thu được sau khi thanh lý; tổng nợ phải thanh toán và phần tài sản còn lại để phân phối cho các Nhà Đầu Tư theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp quỹ phân chia tài sản không phải là tiền, tài liệu bổ sung bao gồm xác nhận của VSD về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Nhà Đầu Tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng Nhà Đầu Tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- c) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
 - d) Báo cáo thẩm định kết quả thanh lý tài sản của tổ chức kiểm toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định hoặc của Ban Đại Diện Quỹ (nếu có);
 - e) Xác nhận của Nhà Đầu Tư về việc nhận đầy đủ tiền và tài sản theo đúng phương án giải thể quỹ.
6. Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Chương XIV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 60. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều 35 của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 61. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được gửi qua thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập Quỹ, hoạt động đầu tư của Quỹ và các hoạt động khác có liên quan tới Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
 - b) Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.

4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành Quý nhận.

Điều 62. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

1. Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Điều Lệ.

2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:

- a) Bất cứ nội dung nào của Điều Lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật: Khi các quy định của Pháp Luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều Lệ này có thay đổi theo, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- b) Chỉnh sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.

3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

4. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều Lệ này, thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 63. Đăng ký điều lệ

1. Điều Lệ này bao gồm 15 chương, 64 điều, và 03 phụ lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư lần đầu của Quý thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2020.

2. Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quý, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.

3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quý hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ.

4. Điều Lệ này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau, trong đó:

- 02 (hai) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- 01 (một) bản lưu tại văn phòng Quý;
- 01 (một) bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- 01 (một) bản lưu tại văn phòng của Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 64. Điều khoản thi hành

1. Quý được chính thức thành lập sau khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục thành lập quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Đính kèm cùng Điều Lệ các phụ lục sau:

Phụ lục số 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục số 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2020

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)


Huh Hong Suk
Chủ tịch Công ty

Phụ lục số 1.1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Số Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 08 năm 2018

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF MAFM VN30:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

Chủ Tịch Công Ty Quản Lý Quỹ

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)
HUU HONG SUK

Phụ lục số 1.2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN SHINHAN VIỆT NAM

Số Giấy phép hoạt động: 341/GP-NHNN do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 12 năm 2008

Số Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán: 15/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 23 tháng 05 năm 2017. Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công Ty Kiểm Toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát



Kong Duck Hwan

Giám đốc



Shinhan
Bank

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2020
Ho Chi Minh City, 09 / 11 / 2020

GIẤY ỦY QUYỀN
POWER OF ATTORNEY
Số/No.: PCTT - 2020 - 583

Tôi, người ký tên dưới đây là **SHIN DONG MIN**, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, có trụ sở chính tại 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Dakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân Hàng”), bằng văn bản này ủy quyền cho:

I, the undersigned, SHIN DONG MIN, as General Director of Shinhan Bank Vietnam Limited, having its head office located at 138-142 Hai Ba Trung, Dakao Ward, District 1, Ho Chi Minh City (“Bank”), hereby authorize to:

Người được ủy quyền:	Ông KONG DUCK HWAN
<i>Authorized:</i>	<i>Mr. KONG DUCK HWAN</i>
Hộ chiếu số:	M72818023 cấp ngày 04/12/2019 tại Hàn Quốc
<i>Passport No.:</i>	<i>M72818023 issued on 04th December, 2019 in Korea</i>
Chức vụ:	Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán (Bộ phận Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư)
<i>Title:</i>	<i>Director of Securities Services Department (Fund Services Team)</i>

I. Phạm vi ủy quyền
Scope of Authorization

Trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ được phân cấp cho Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán, Bộ phận Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư thực hiện và trong phạm vi ủy quyền này, Người được ủy quyền được quyền thay mặt và đại diện cho Ngân Hàng trong các hoạt động dưới đây:

Within the scope of function and responsibilities delegated to the Director of Securities Services Department, Fund Services Team and within the scope of this authorization, the Authorized is authorized for and on behalf of the Bank in the following activities:

- (1) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư, hoạt động ngân hàng giám sát;
Fund Administrations, Supervisory Bank services;
- (2) Báo cáo cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hoạt động quản trị quỹ đầu tư và ngân hàng giám sát, bao gồm nhưng không giới hạn cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Sở Giao dịch Chứng khoán;
Reporting to authority agencies relating to Fund Administration, Supervisory Bank services, including but not limited to State Securities Commission, State Bank of Vietnam, Vietnam Securities Depository, Stock Exchanges;



- (3) Các hoạt động khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng Dịch vụ Chứng khoán, Bộ phận Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư.
Other activities related to the authorization and responsibilities of Securities Services Department, Fund Services Team.

Trong phạm vi ủy quyền này, Người được ủy quyền được phép: (i) làm việc với các đối tác và khách hàng của Ngân Hàng, ký/ban hành các đơn đăng ký, thông báo, hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản có liên quan khác; và (ii) sử dụng con dấu của Ngân Hàng để đóng dấu trên tất cả các văn bản mà mình đã ký.

In this scope of authorization, the Authorized is permitted to: (i) work with the Bank's partners and clients, sign/issue applications, notices, contracts, agreements and other related document; and (ii) use the Bank's seal on all documents signed by himself.

II. Ủy quyền lại
Sub-authorization

Trong phạm vi ủy quyền này, Người được ủy quyền được phép ủy quyền lại cho các nhân viên có liên quan khác của Ngân Hàng thực hiện các công việc được nêu tại Mục I trên đây.

In this scope of authorization, the Authorized is permitted to sub-authorize to the Bank's other related staffs to implement works mentioned in the Article I above.

III. Thời hạn ủy quyền
Term of authorization

Giấy Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi được thay thế hoặc hủy bỏ bằng một văn bản khác.

This Power of Attorney shall be effective from the signing date until cancelled or replaced by another document.

Người ủy quyền / The Authorizer



Ông/Mr. **SHIN DONG MIN**
Tổng Giám đốc/General Director

Người được ủy quyền/ The Authorized

Ông/Mr. **KONG DUCK HWAN**
Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán, Bộ phận Quản trị Quỹ đầu tư/ Director of Securities Services Department, Fund Service Team

